CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Thủy điện Thác Bà

Ngày 31/03/2025	39,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	**-5.4%**	**2.0%**

DT thuần *Q1/25*
102 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼34.0| -25.2%
YoY: ▼9.00| -8.4%

LN thuần *Q1/25*
47.4 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼10.6| -18.3%
YoY: ▼11.6| -19.7%

LN sau thuế *Q1/25*
40.0 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼8.80| -18.0%
YoY: ▼10.3| -20.5%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
46.7%
YoY: +/-▲ 2.9%

ROE (TTM) *Q1/25*
12.7%
YoY: +/-▼ 0.5%

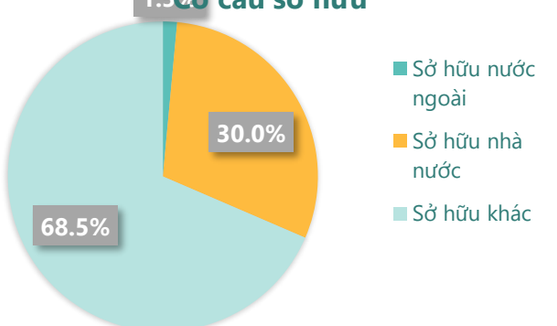
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	35,864 - 42,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,496
Số lượng CPLH (CP)	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	885
Sở hữu nước ngoài	1.5%
Beta	(0.14)
EPS	2,642
P/E	14.9

DT thuần *2024*
539 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 108| 25.0%

LN thuần *2024*
269 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 72.0| 36.7%

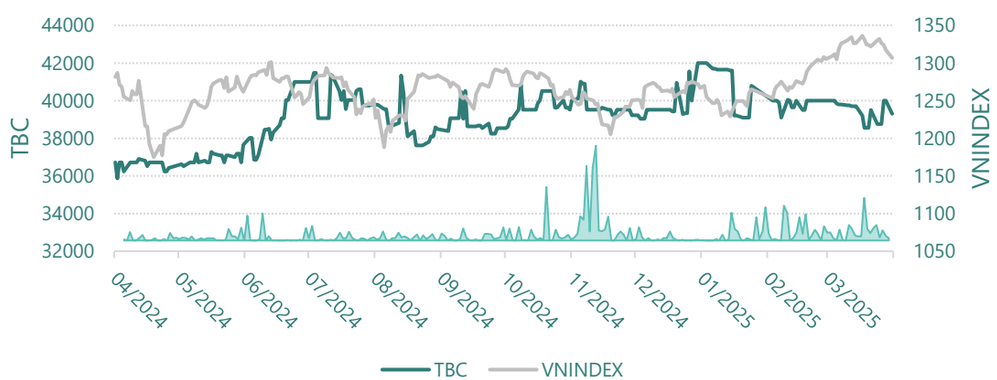
LN sau thuế *2024*
229 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 60.0| 35.6%

Cơ cấu sở hữu

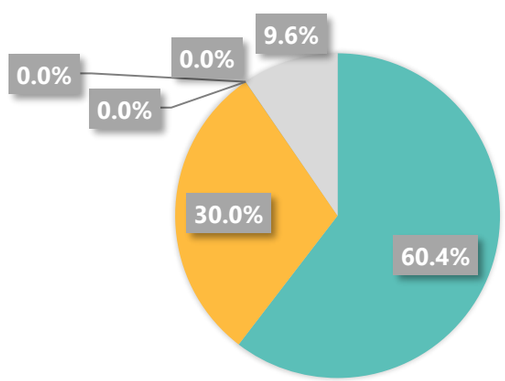


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

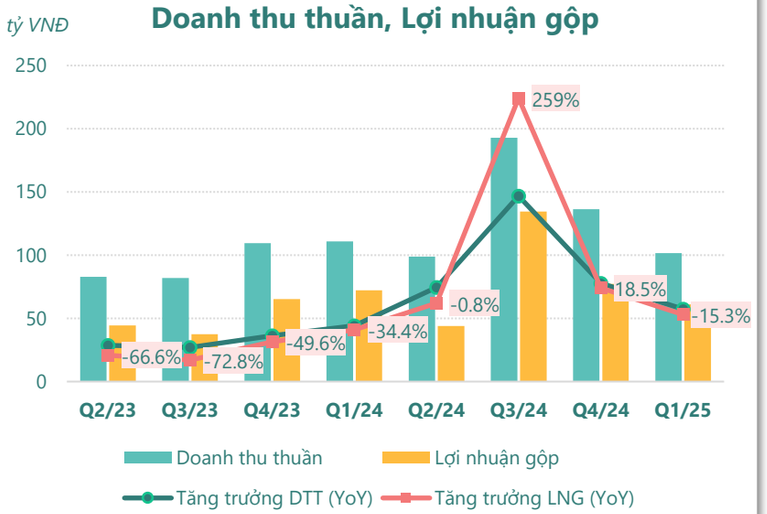


- Công ty TNHH Năng lượng REE
- Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
- Nguyễn Thị Lục
- Bùi Hoàng (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Hoài Linh (Đại diện công bố thông tin)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

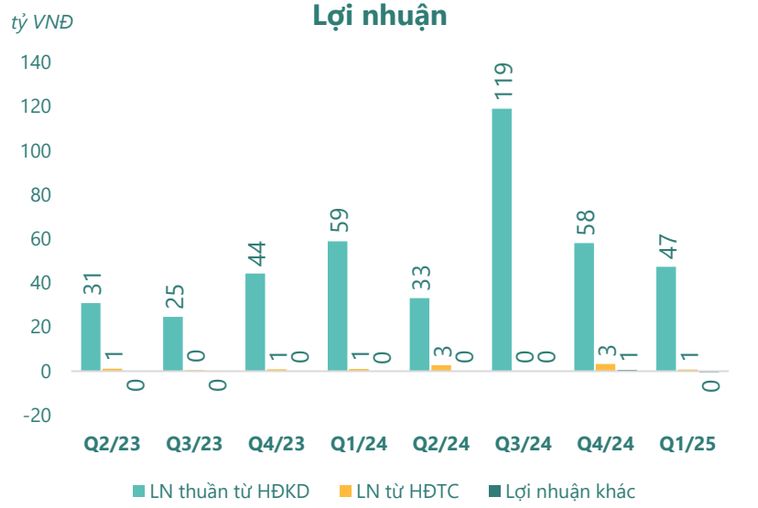
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



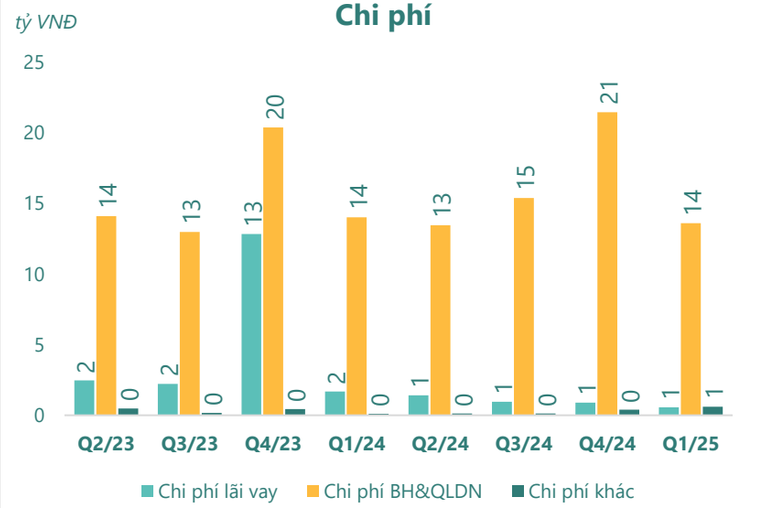
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



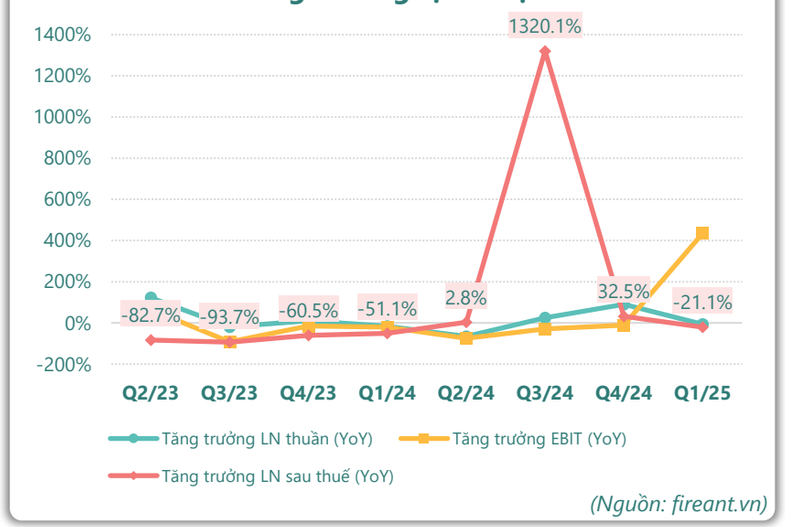
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



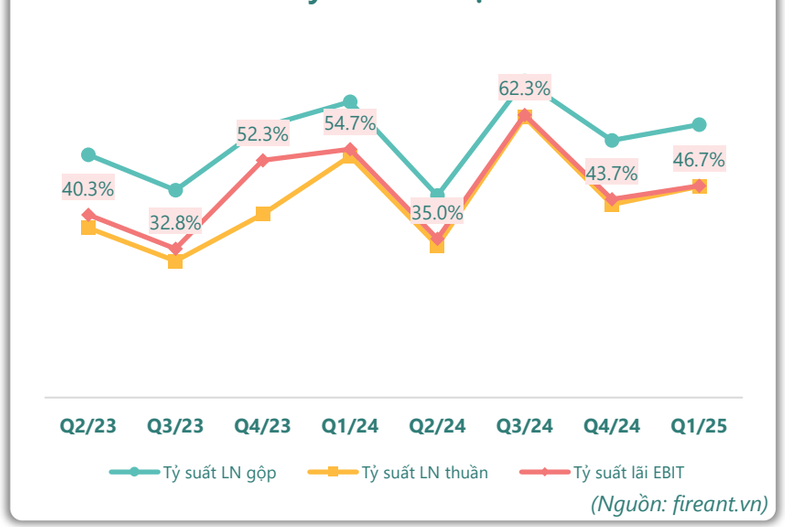
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



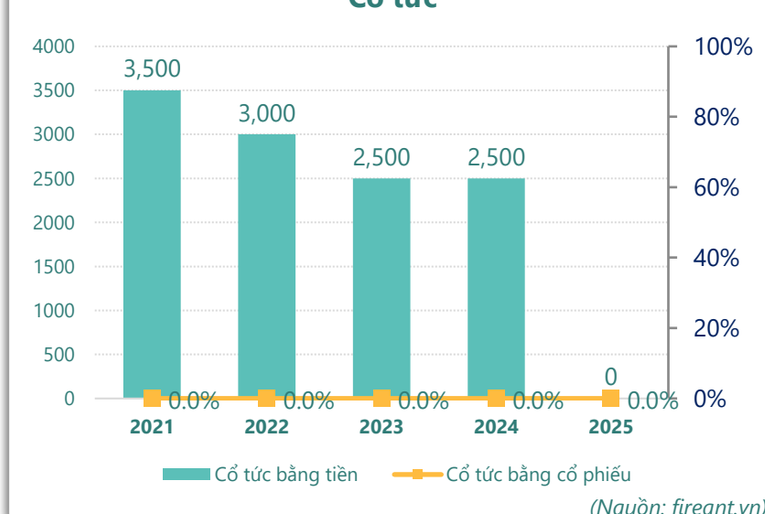
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

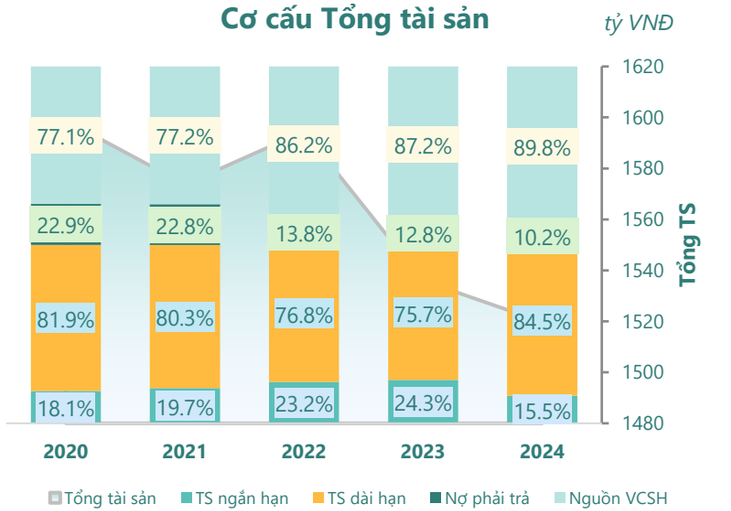
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

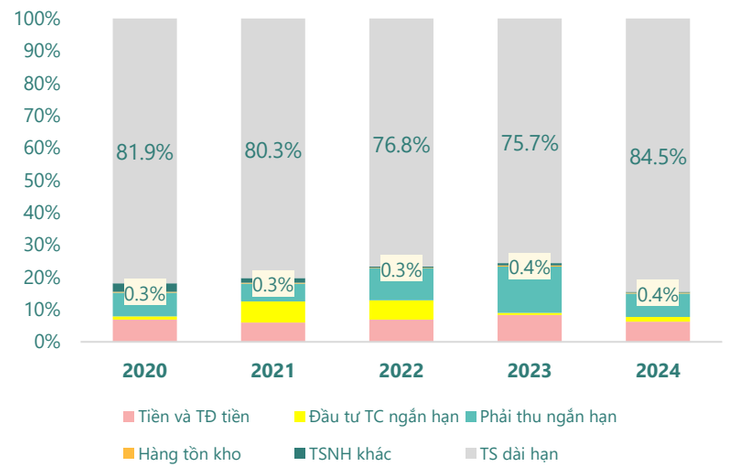
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



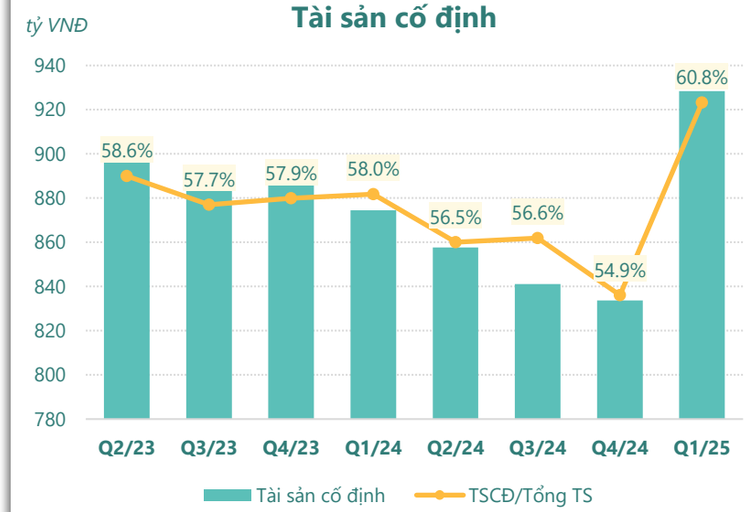
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



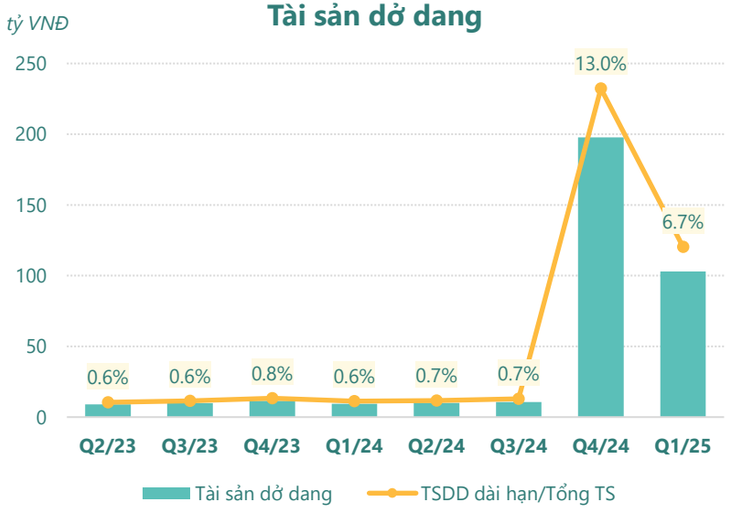
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



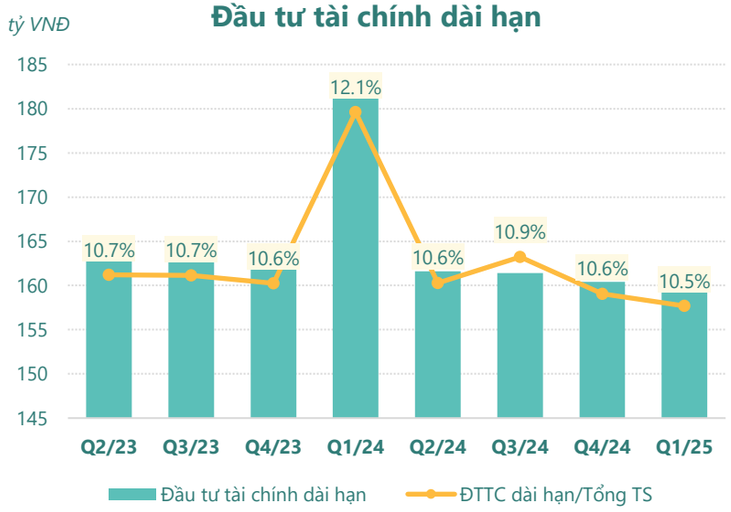
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



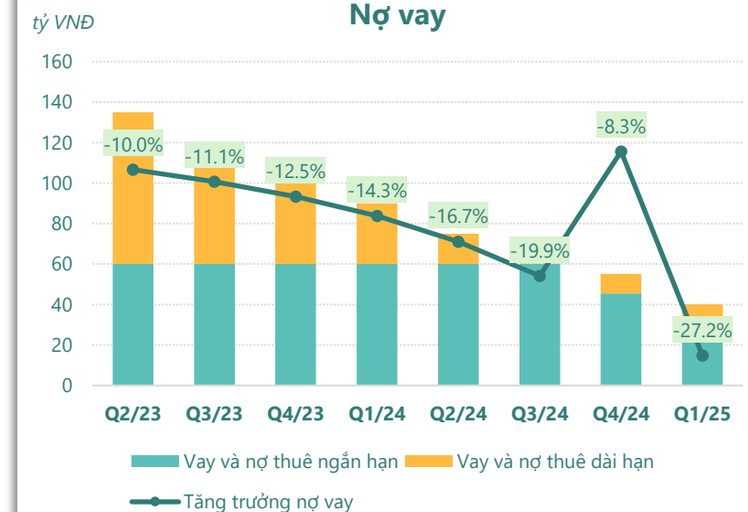
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

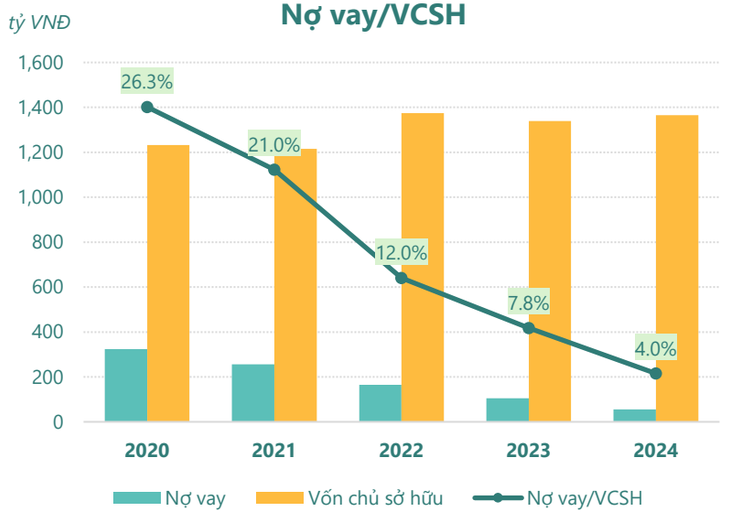
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



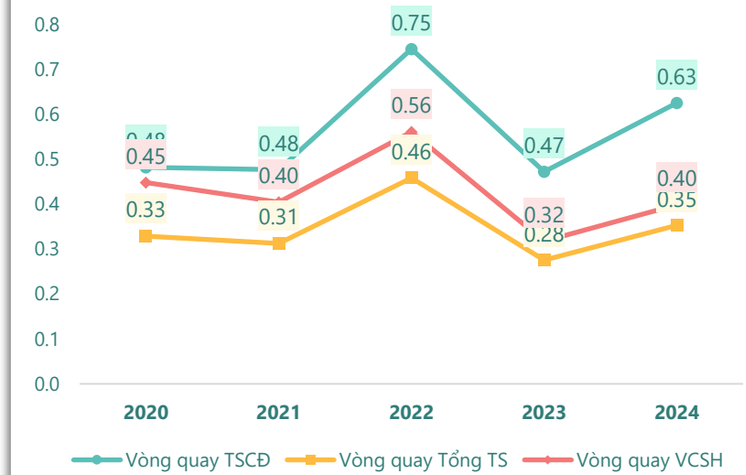
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



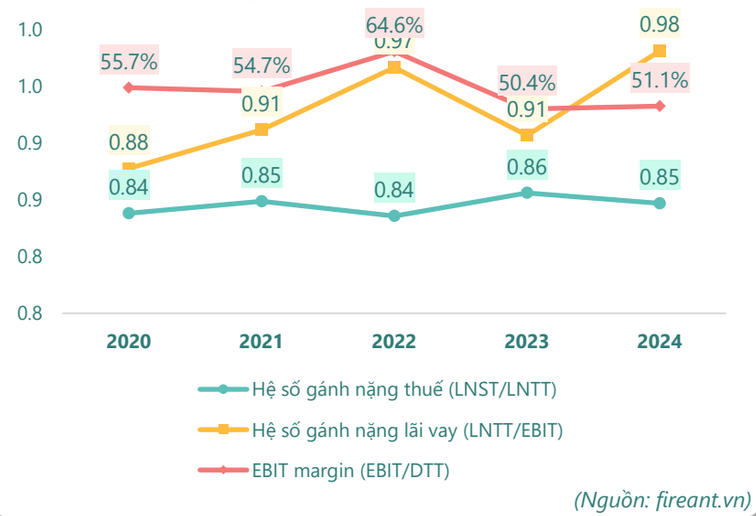
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



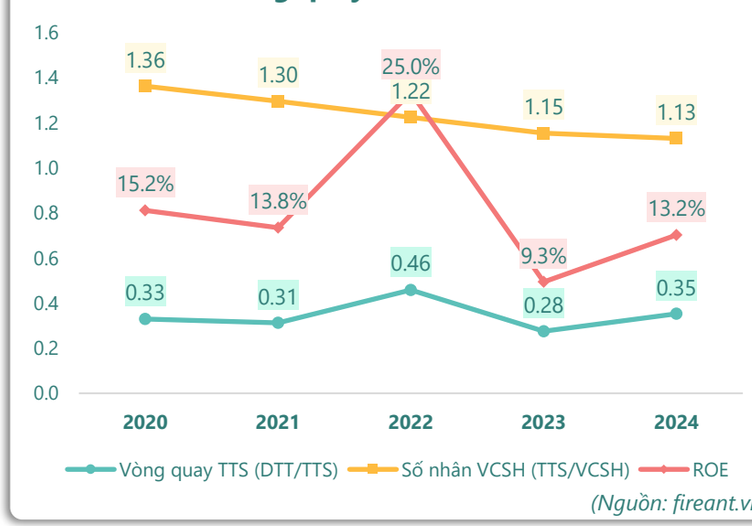
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



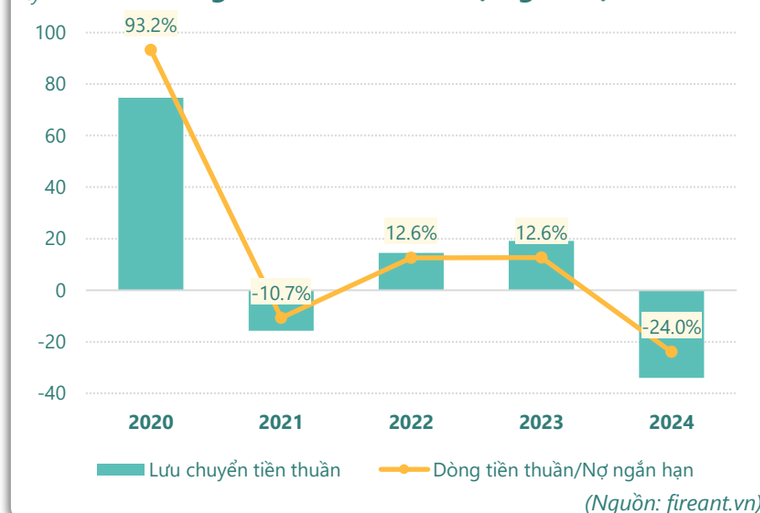
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**102**	**111**	**-8.4%**	**539**	**431**	**25.0%**
Giá vốn hàng bán	40.5	38.6	4.9%	211	174	21.2%
Lợi nhuận gộp	61.2	72.3	-15.4%	328	257	27.5%
Doanh thu HĐTC	1.28	2.71	-52.7%	12.3	11.3	9.0%
Chi phí TC	0.56	1.69	-66.7%	5.20	9.37	-44.5%
Chi phí lãi vay	0.56	1.69	-66.8%	5.18	20.2	-74.4%
LN trong công ty LKLD	**-0.93**	**-0.29**	**-220%**	**-1.61**	**-1.94**	**16.9%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**13.6**	**14.0**	**-2.7%**	**64.4**	**60.3**	**6.7%**
LN thuần từ HĐKD	47.4	59.0	-19.7%	269	197	36.7%
Lợi nhuận khác	**-0.48**	**0.03**	**-1713%**	**0.79**	**0.09**	**806%**
LN trước thuế	46.9	59.0	-20.6%	270	197	37.1%
Lợi nhuận sau thuế	**40.0**	**50.3**	**-20.5%**	**229**	**169**	**35.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.9**	**39.2**	**-26.3%**	**178**	**126**	**41.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	141	78.9	44.6	168	92.3	76.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-48.0	-24.5	-8.97	-18.7	-101	-34.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-34.9	-78.5	-24.5	-157	-5.25	-50.4
Tiền đầu kỳ	70.7	128	104	115	108	94.3
Lưu chuyển tiền thuần	**57.6**	**-24.0**	**11.1**	**-7.09**	**-14.0**	**-8.31**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	128	104	115	108	94.3	86.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,526**	**1,520**	**0.4%**
Tài sản ngắn hạn	226	235	-4.1%
Tiền và tương đương tiền	86.0	94.3	-8.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.3	22.0	-7.8%
Phải thu ngắn hạn	106	110	-3.4%
Hàng tồn kho	8.15	5.34	52.5%
Tài sản ngắn hạn khác	5.10	3.75	35.9%
Tài sản dài hạn	**1,300**	**1,284**	**1.2%**
Phải thu dài hạn	30.0	10.0	200%
Tài sản cố định	928	834	11.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	103	198	-48.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	159	160	-0.6%
Tài sản dài hạn khác	**4.17**	**3.30**	**26.4%**
Lợi thế thương mại	75.1	79.2	-5.2%
Nợ phải trả	198	155	28.1%
Nợ ngắn hạn	**184**	**142**	**30.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.8	45.4	-32.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.4	27.0	-2.2%
Nợ dài hạn	14.0	13.2	6.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.26	9.68	-4.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,327**	**1,365**	**-2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,327**	**1,365**	**-2.7%**
Vốn điều lệ	635	635	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)